

CÂU HỎI THUẾ GTGT, TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT, HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

I. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG: BỘ CÂU HỎI 1

1. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG – LÝ THUYẾT

Câu 1. Đặc điểm nào dưới đây không phải của thuế giá trị gia tăng:

- a. Gián thu
- b. Đánh nhiều giai đoạn
- c. Thu trùng lấp
- d. Có tính trung lập cao

Câu 2. Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

- a. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu.
- b. Hàng hoá gia công chuyển tiếp
- c. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ
- d. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến theo quy định của chính phủ.

Câu 3. Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

- a. Nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- b. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- c. Phân bón
- d. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

Câu 4. Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá bán chưa có thuế GTGT
- b. Giá bán đã có thuế GTGT
- c. Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ cùng loại
- d. Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, biếu tặng.

Câu 5. Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT
- b. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu có thuế GTGT
- c. Giá trị xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT.

Câu 6. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT
- b. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT
- c. Giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT.

Câu 7. Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện thanh toán theo hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành bàn giao, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT
- b. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa bao gồm tiền công, chưa có thuế GTGT.
- c. Giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có thuế GTGT.

Câu 8. Trường hợp nào sau đây không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT:

- a. Hàng hoá, dịch vụ do doanh nghiệp xuất khẩu
- b. Hàng hoá, dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp ở ngoài Việt Nam
- c. Hàng hoá, dịch vụ do doanh nghiệp bán ra
- d. Tất cả các trường hợp trên đều đúng

Câu 9. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với đối tượng nào sau đây?

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.
- d. Cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

Câu 10. Khi bán hàng ghi thuế suất cao hơn quy định mà cơ sở kinh doanh chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì xử lý như sau:

- a. Được lập lại hoá đơn mới theo đúng thuế suất quy định.
- b. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hoá đơn.

- c. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất quy định.
- d. Không phải kê khai, nộp thuế.

Câu 11. Doanh nghiệp A có hoá đơn giá trị gia tăng mua vào lập ngày 12/05/2012. Trong kỳ kê khai thuế tháng 5/2012, doanh nghiệp A bỏ sót không kê khai hoá đơn này. Thời hạn kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là vào kỳ khai thuế tháng mấy?

- a. Tháng 8/2012.
- b. Tháng 9/2012.
- c. Tháng 10/2012.
- d. Tháng 11/2012.

Câu 12. Doanh nghiệp B có chứng từ nộp thuế ở khâu nhập khẩu lập ngày 05/4/2012. Doanh nghiệp B được kê khai, khấu trừ chứng từ trên tối đa vào kỳ kê khai tháng mấy?

- a. Tháng 4/2012
- b. Tháng 9/2012
- c. Tháng 10/2012
- d. Trước khi cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp

Câu 13. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng áp dụng đối với đối tượng nào sau đây?

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý.
- d. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 14. Đối tượng và trường hợp nào sau đây được hoàn thuế GTGT:

- a. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết.
- b. Đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ để sử dụng đã thanh toán giá hàng hóa, dịch vụ có thuế GTGT.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết hoặc có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa.

d. Cả 3 trường hợp trên

Câu 15. Để áp dụng thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu, không cần điều kiện nào trong số các điều kiện dưới đây:

a. Hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài

b. Chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng

c. Cam kết của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không có cơ sở thường trú hoặc không cư trú tại Việt Nam

d. Tờ khai hải quan

Câu 16. Giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa do cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nước bán ra là:

a. Toàn bộ giá bán ra

b. Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng và chưa có thuế TTĐB (đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB)

c. Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng) và đã có thuế TTĐB (đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB)

Câu 17. Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu là:

a. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu + Thuế TTĐB (nếu có)

b. Giá hàng hoá nhập khẩu.

c. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu + Thuế nhập khẩu (nếu có) + Thuế TTĐB (nếu có) + thuế bảo vệ môi trường (nếu có)

Câu 18. Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ được xác định bằng:

a. Thuế GTGT đầu ra x Thuế suất thuế GTGT của HDDV

b. Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

c. Giá tính thuế của HDDV x Thuế suất thuế GTGT của HDDV

d. Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào

Câu 19. Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp trên GTGT được xác định bằng:

- a. GTGT của HHDV chịu thuế x thuế suất thuế GTGT của HHDV
- b. Thuế GTGT đầu ra – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- c. Giá thanh toán của HHDV bán ra – Giá thanh toán của HHDV mua vào.

Câu 20. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ như thế nào?

- a. Khấu trừ toàn bộ
- b. Khấu trừ 50%
- c. Không được khấu trừ
- d. Phải thực hiện phân bổ

Câu 21. Căn cứ tính thuế GTGT là gì?

- a. Giá bán hàng hóa tại cơ sở sản xuất và thuế suất
- b. Giá bán hàng hóa trên thị trường và thuế suất
- c. Giá tính thuế và thuế suất

Câu 22. Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì :

- a. Được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ theo tỷ lệ khấu hao trích cho hoạt động sản, xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT
- b. Được khấu trừ toàn bộ.
- c. Không được khấu trừ

Câu 23. Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp là:

- a. Giá bán trả một lần
- b. Giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT, không bao gồm lãi trả góp
- c. Giá bán trả một lần cộng lãi trả góp

Câu 24. Thuế GTGT đầu vào chỉ được khấu trừ khi:

- a. Có hoá đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT.

c. Cả a, b.

Câu 25. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xét hoàn thuế GTGT theo tháng nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ:

- a. 300.000.000 đồng trở lên
- b. 200.000.000 đồng trở lên
- c. 250.000.000 đồng trở lên
- d. Cả a, b, c.

Câu 26. Mức thuế suất thuế GTGT 0% được áp dụng trong trường hợp nào sau đây:

- a. Dạy học
- b. Dạy nghề
- c. Vận tải quốc tế
- d. Sản phẩm trồng trọt của tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra

Câu 27. Trường hợp nào sau đây không chịu thuế giá trị gia tăng;

- a. Vận tải quốc tế
- b. Chuyển quyền sử dụng đất
- c. Thức ăn gia súc
- d. Nước sạch phục vụ sản xuất.

2. Thuế Giá trị gia tăng – Bài tập

Câu 1. Doanh nghiệp B nhập khẩu 1000 chai rượu 39 độ giá nhập khẩu được quy đổi ra tiền Việt Nam là 300.000 đồng/chai, thuế suất thuế nhập khẩu là 65%, thuế suất TTĐB là 30%. Giá tính thuế GTGT nhập khẩu của 01 chai rượu đó là bao nhiêu?

- a. 643.500 đồng
- b. 390.000 đồng
- c. 495.000 đồng
- d. Số khác

Câu 2. Doanh nghiệp X có doanh thu bán sản phẩm đồ chơi trẻ em chưa bao gồm thuế GTGT trong tháng 3/2012 là 100.000.000 đồng

- Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 2.000.000 đồng

- Biết thuế suất thuế GTGT của sản phẩm đồ chơi trẻ em là 5%

Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng 3/2012 của công ty là bao nhiêu?

a. 2.000.000 đồng

b. 3.000.000 đồng

c. 4.000.000 đồng

Câu 3. Công ty du lịch Hà Nội ký hợp đồng du lịch với Công ty B tại Thái Lan theo hình thức lữ hành trọn gói cho 20 khách du lịch là 32.000 USD.

Trong đó: Tiền vé máy bay đi về: 9.000 USD

Chi phí trả cho phía nước ngoài tại nước ngoài: 1.000 USD

Tỷ giá 1 USD = 18.000 VNĐ

Giá tính thuế GTGT?

a. 32.000×18.000

b. 23.000×18.000

c. 22.000×18.000

d. 20.000×18.000

Câu 4. Kỳ tính thuế tháng 4/2012, Công ty Thương mại AMB có số liệu sau:

- Số thuế GTGT đầu vào: 400.000.000 đồng (trong đó có 01 hoá đơn có số thuế GTGT đầu vào là 30.000.000 đồng được thanh toán bằng tiền mặt).

- Số thuế GTGT đầu ra: 800.000.000 đồng.

- Số thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ tính thuế tháng 3/2012 là: 0 đồng, không có số thuế đầu vào của kỳ trước chuyển sang.

Số thuế GTGT phải nộp kỳ tính thuế tháng 4/2012 của công ty AMB là:

a. 400.000.000 đồng

b. 370.000.000 đồng

c. 430.000.000 đồng

d. Cả 3 phương án trên đều sai

Câu 5. Kỳ tính thuế tháng 3/2012, Công ty Thương mại Phương Đông có số liệu:

- Số thuế GTGT đầu vào tập hợp được: 600.000.000 đồng (trong đó mua 01 tài sản cố định có số thuế GTGT đầu vào là 500.000.000 đồng dùng để sản xuất hàng hoá chịu thuế GTGT là 50% thời gian; dùng để sản xuất hàng hoá không chịu thuế GTGT là 50% thời gian.).

- Số thuế GTGT đầu ra là: 700.000.000 đồng

Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ kỳ tính thuế tháng 3/2012 là:

- a. 600.000.000 đồng
- b. 110.000.000 đồng
- c. 350.000.000 đồng
- d. Cả 3 phương án trên đều sai

Câu 6. Kỳ tính thuế tháng 2/2012. Công ty Xây dựng - Cơ Khí Thăng Tiến có số liệu sau:

- Giá trị sản phẩm cốt điện bê tông bán ra chưa thuế GTGT : 12.000.000.000 đồng
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ : 500.000.000 đồng.
- Thuế GTGT còn phải nộp đầu kỳ tính thuế tháng 1/2012: 0 đồng
- Thuế suất thuế GTGT của sản phẩm bê tông: 10%

Số thuế GTGT phải nộp kỳ tính thuế tháng 2/2012 là:

- a. 100.000.000 đồng
- b. 700.000.000 đồng
- c. 500.000.000 đồng
- d. 1.200.000.000 đồng

Câu 7. Doanh nghiệp A nhận gia công hàng hoá cho doanh nghiệp B, có các số liệu sau:

- Tiền công Doanh nghiệp B trả cho Doanh nghiệp A là 40 triệu đồng
- Nhiên liệu, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ gia công hàng hoá do Doanh nghiệp A mua (chưa có thuế GTGT): 15 triệu đồng
- Nguyên liệu chính do Doanh nghiệp B cung cấp (chưa có thuế GTGT) 135 triệu đồng

Giá tính thuế GTGT?

- a. 40 triệu đồng
- b. 150 triệu đồng
- c. 55 triệu đồng
- d. 190 triệu đồng

Câu 8. Doanh nghiệp A nhận uỷ thác xuất khẩu hàng hoá cho doanh nghiệp B và đã thực hiện xuất khẩu.

Giá trị lô hàng xuất khẩu (chưa có thuế GTGT): 820 triệu đồng

Hoa hồng uỷ thác (chưa có thuế GTGT): 5%

Giá tính thuế GTGT?

- a. 820 triệu đồng
- b. 410 triệu đồng
- c. 41 triệu đồng
- d. 421 triệu đồng

Câu 9. Ngày 09/2/2012, CSKD A chuyên kinh doanh du lịch mua xe ô tô 7 chỗ, giá chưa có thuế GTGT là 2 tỷ đồng. CSKD A được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là bao nhiêu.

- a) 80 triệu.
- b) 100 triệu.
- c) 160 triệu.
- d) 200 triệu.

Câu 10. Công ty Cổ phần Thăng Long cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, lập báo cáo khả thi đối với dự án đầu tư tại Lào cho Công ty cổ phần đầu tư An Bình. Tổng doanh thu chưa có thuế GTGT Công ty cổ phần Thăng Long nhận được là 4 tỷ đồng. Hợp đồng giữa 2 doanh nghiệp không xác định được doanh thu thực hiện tại Việt Nam và doanh thu thực hiện tại Lào. Công ty Cổ phần Thăng Long tính toán được các chi phí thực hiện ở Lào (chi phí khảo sát, thăm dò) là 1,8 tỷ đồng và chi phí thực hiện ở Việt Nam (tổng hợp, lập báo cáo) là 1,2 tỷ đồng. Công ty cổ phần Thăng Long phải kê khai doanh thu chưa có thuế GTGT là:

- a. 1,2 tỷ đồng
- b. 1,8 tỷ đồng
- c. 1,6 tỷ đồng
- d. 1 tỷ đồng

II: THUẾ GTGT: BỘ CÂU HỎI 2

1/Câu trắc nghiệm lý thuyết: (30 câu)

Câu 1. Đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng là:

- a. Hàng hoá, dịch vụ sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam
- b. Hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài
- c. Hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT
- d. Hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng

Câu 2. Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng:

- a. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu.
- b. Hàng hoá gia công chuyển tiếp theo quy định.
- c. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định.
- d. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến theo quy định

Câu 3. Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng:

- a. Nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- b. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- c. Phân bón
- d. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

Câu 4. Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, giá tính thuế Giá trị gia tăng là:

- a. Chi phí để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ.
- b. Giá tính thuế Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ.
- c. Giá tính thuế Giá trị gia tăng bình quân gia quyền của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương của kỳ tính thuế trước.

Câu 5. Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng:

- a. Thức ăn gia súc.
- b. Thức ăn cho vật nuôi.
- c. Nước sạch phục vụ sinh hoạt.
- d. Muối i-ốt.

Câu 6. Giá tính thuế Giá trị gia tăng đối với hàng hoá nhập khẩu là:

- a. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu chưa có thuế Giá trị gia tăng.

b. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu chưa có thuế Giá trị gia tăng, đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt (nếu có)

c. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Nhập khẩu

d. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng (+) với thuế Nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế Tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Câu 7. Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế Giá trị gia tăng là:

a. Giá xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và đã có thuế Giá trị gia tăng.

b. Giá xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và chưa có thuế Giá trị gia tăng.

c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu và đã có thuế Giá trị gia tăng.

d. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu và chưa có thuế Giá trị gia tăng.

Câu 8. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế Giá trị gia tăng là:

a. Giá xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và đã có thuế Giá trị gia tăng.

b. Giá xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và chưa có thuế Giá trị gia tăng.

c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu và đã có thuế Giá trị gia tăng.

d. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu và chưa có thuế Giá trị gia tăng.

Câu 9. Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện thanh toán theo hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành bàn giao, giá tính thuế Giá trị gia tăng là:

a. Giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có thuế Giá trị gia tăng; Không được tính theo từng hạng mục công trình.

b. Giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có thuế Giá trị gia tăng.

c. Giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao đã có thuế Giá trị gia tăng.

Câu 10. Trường hợp nào sau đây phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định:

- a. Tổng giá trị thuế GTGT trên mỗi hoá đơn từ 2 triệu đồng trở lên.
- b. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào trên mỗi hoá đơn từ 20 triệu đồng trở lên theo giá đã có thuế GTGT.
- c. Tổng giá trị thuế GTGT trên mỗi hoá đơn từ 20 triệu đồng trở lên.
- d. Hoặc a hoặc b đều đúng.

Câu 11. Thuế suất thuế Giá trị gia tăng 0% không áp dụng đối với:

- a. Xe ô tô xuất khẩu để bán tại hội chợ triển lãm ở nước ngoài.
- b. Dịch vụ tổ chức sự kiện tại nước ngoài.
- c. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch từ Việt Nam sang Lào.
- d. Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan

Câu 12. Số thuế Giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế được xác định bằng:

- a. Số thuế Giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số thuế Giá trị gia tăng đầu vào.
- b. Số thuế Giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số thuế Giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.
- c. Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế Giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó.

Câu 13. Phương pháp khấu trừ thuế Giá trị gia tăng áp dụng đối với đối tượng nào dưới đây:

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

d. Cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

Câu 14. Doanh nghiệp A có hoá đơn GTGT mua vào lập ngày 12/02/2012. Trong kỳ kê khai thuế tháng 2/2012, doanh nghiệp A bỏ sót không kê khai hoá đơn này. Thời hạn kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là vào kỳ khai thuế tháng mấy?

- a. Tháng 4/2012
- b. Tháng 5/2012
- c. Tháng 6/2012
- d. Tháng 7/2012

Câu 15. Từ 01/01/2009, bổ sung quy định về điều kiện khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào bắt buộc phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào có giá trị trên mỗi hoá đơn là:

- a. Từ 20 triệu đồng trở lên
- b. Dưới 20 triệu đồng
- c. Từ 2 triệu đồng trở lên
- d. Dưới 2 triệu đồng.

Câu 15. Từ 01/01/2009, điều kiện khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên trên mỗi hoá đơn theo giá đã có thuế GTGT được bổ sung thêm quy định nào sau đây:

- a. Có hoá đơn GTGT
- b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng
- c. Có hóa đơn GTGT và có chứng từ thanh toán qua ngân hàng

Câu 16. Trường hợp nào không được coi là thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hoá, dịch vụ có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên:

- a. Bù trừ công nợ theo quy định trong hợp đồng
- b. Bù trừ giữa giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra theo quy định trong hợp đồng
- c. Thanh toán uỷ quyền qua bên thứ 3 thanh toán qua ngân hàng theo quy định trong hợp đồng

d. Chứng từ nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán

Câu 17. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được xác định bằng:

a. Số thuế Giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số thuế Giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

b. Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó.

c. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó.

Câu 18. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng áp dụng đối với đối tượng và trường hợp nào sau đây:

a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

d. Cả 3 phương án a, b, c.

Câu 19. Cơ sở kinh doanh nào được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

a. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế Giá trị gia tăng nếu trong 1 tháng liên tục trở lên có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

b. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế Giá trị gia tăng nếu trong 2 tháng liên tục trở lên có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

c. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế Giá trị gia tăng nếu trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

d. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế Giá trị gia tăng nếu trong 4 tháng liên tục trở lên có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Câu 20. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được xét hoàn thuế theo tháng trong trường hợp nào sau đây:

a. Cơ sở kinh doanh có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 100 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

b. Cơ sở kinh doanh có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 150 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

c. Cơ sở kinh doanh có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

d. Cơ sở kinh doanh có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

Câu 21. Đối tượng và trường hợp nào sau đây được hoàn thuế Giá trị gia tăng:

a. Cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b. Đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

c. Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

d. Cả 3 phương án a, b, c.

Câu 22. Đối tượng và trường hợp nào sau đây được hoàn thuế Giá trị gia tăng:

a. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết.

b. Đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết hoặc có số thuế Giá trị gia tăng nộp thừa.

d. Cả 3 phương án a, b, c.

Câu 23. Mức thuế suất GTGT 5% áp dụng đối với trường hợp nào dưới đây:

- a. Sản phẩm trồng trọt chưa qua chế biến do tổ chức, cá nhân tự trồng bán ra.
- b. Cây giống, con giống nhập khẩu theo quy định.
- c. Sản phẩm trồng trọt chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại.
- d. Muối.

Câu 24. Đường chế biến từ mía khi xuất khẩu ra nước ngoài được áp dụng mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng nào dưới đây:

- a. 0%
- b. 5%
- c. 10%

Câu 25. Quy định nào sau đây là quy định đúng về nguyên tắc khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định:

- a. Thuế Giá trị gia tăng đầu vào của TSCĐ dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế Giá trị gia tăng và hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế Giá trị gia tăng thì được khấu trừ toàn bộ.
- b. Thuế Giá trị gia tăng đầu vào của TSCĐ là thiết bị của các tổ chức tín dụng không được khấu trừ mà phải tính vào nguyên giá của tài sản cố định.
- c. Thuế Giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ hình thành TSCĐ của doanh nghiệp như nhà ăn ca, nhà để xe, trạm y tế cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp được khấu trừ toàn bộ.
- d. Cả 3 quy định a, b, c.

Câu 26. Giá tính thuế Giá trị gia tăng đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp là:

- a. Giá bán trả một lần chưa có thuế Giá trị gia tăng, bao gồm cả lãi trả góp.
- b. Giá bán trả một lần chưa có thuế Giá trị gia tăng, không bao gồm lãi trả góp.
- c. Giá bán từng lần trả chưa có thuế GTGT, bao gồm cả lãi trả góp.
- d. Giá bán từng lần trả chưa có thuế GTGT, không bao gồm lãi trả góp.

Câu 27. Máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc diện:

- a. Không chịu thuế giá trị gia tăng.
- b. Chịu thuế giá trị gia tăng.
- c. Không chịu thuế giá trị gia tăng nếu thuộc loại trong nước sản xuất được.
- d. Không chịu thuế giá trị gia tăng nếu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được.

Câu 28. Các mức thuế suất phổ thông thuế GTGT theo Luật thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay là:

- a. 3 mức: 0%; 5%; 10%
- b. 3 mức: 0%; 10%; 15%
- c. 3 mức: 5%; 10%; 15%
- d. 4 mức: 0%; 5%; 10%; 15%

Câu 29. Cơ sở kinh doanh trong tháng có số thuế GTGT đầu ra của hàng hoá, dịch vụ bán trong nước là 50 triệu đồng. Số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là 250 triệu đồng. Tháng trước, cơ sở kinh doanh phát sinh thuế GTGT phải nộp. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT trong tháng:

- a. Không được hoàn thuế GTGT.
- b. 50 triệu đồng.
- c. 200 triệu đồng.
- d. 250 triệu đồng

Câu 30. Hội chữ thập đỏ Việt Nam được Tổ chức quốc tế viện trợ tiền để mua hàng viện trợ nhân đạo cho nhân dân các tỉnh miền Trung bị thiên tai là 2 tỷ đồng. Giá trị hàng mua để viện trợ nhân đạo là 2 tỷ đồng, thuế GTGT là 175 triệu đồng.

Hội chữ thập đỏ sẽ được hoàn số thuế GTGT là:

- a. 0 đồng (Không được hoàn thuế).
- b. 175 triệu đồng.
- c. 200 triệu đồng.
- d. Số khác

2/ Câu trắc nghiệm bài tập: (10 câu)

Câu 1. Doanh nghiệp B nhập khẩu 2.000 chai rượu, giá đã có thuế nhập khẩu, chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt là 300.000đồng/chai, thuế suất thuế TTĐB là 45%. Giá tính thuế Giá trị gia tăng của 01 chai rượu đó là bao nhiêu?

- a. 300.000đồng
- b. 435.000 đồng.
- c. 478.500 đồng.
- d. Số khác

Câu 2. Doanh nghiệp X có doanh thu bán sản phẩm đồ chơi trẻ em chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng trong tháng 2/2012 là 100.000.000 đồng.

- Thuế Giá trị gia tăng đầu vào tập hợp được (đủ điều kiện thực hiện khấu trừ): 2.000.000 đồng.

- Biết thuế suất thuế Giá trị gia tăng của sản phẩm đồ chơi trẻ em là 5%.

Thuế Giá trị gia tăng phải nộp kỳ tính thuế tháng 2/2012 của doanh nghiệp là bao nhiêu?

- a. 2.000.000 đồng.
- b. 3.000.000 đồng.
- c. 5.000.000 đồng.
- d. Số khác.

Câu 3. Kỳ tính thuế tháng 3/2012, Công ty Thương mại Đại Thành có số liệu sau:

- Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào (có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp): 400.000.000 đồng (trong đó có 01 hoá đơn có trị giá hàng hoá mua vào đã có thuế Giá trị gia tăng là 30.000.000 đồng của lô hàng được thanh toán bằng tiền mặt; các hoá đơn còn lại có trị giá hàng hoá mua vào từ 20.000.000 đồng trở lên đều được thanh toán qua ngân hàng).

- Số thuế Giá trị gia tăng đầu ra: 800.000.000 đồng.

- Số thuế Giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ tính thuế tháng 2/2012 chuyển sang là: 30.000.000 đồng.

Số thuế Giá trị gia tăng phải nộp kỳ tính thuế tháng 3/2012 của công ty là:

- a. 370.000.000 đồng
- b. 400.000.000 đồng
- c. 430.000.000 đồng

d. 800.000.000 đồng

Câu 4. Kỳ tính thuế tháng 2/2012, Công ty TNHH Bảo An có số liệu:

- Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào tập hợp được (có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp): 600.000.000 đồng (trong đó, mua 01 máy đóng gói sản phẩm loại sản xuất trong nước có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào là 500.000.000 đồng vừa dùng để sản xuất hàng hoá chịu thuế Giá trị gia tăng, vừa dùng để sản xuất hàng hoá không chịu thuế Giá trị gia tăng).

- Số thuế Giá trị gia tăng đầu ra tập hợp được: 700.000.000 đồng.

Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ kỳ tính thuế tháng 2/2012 là:

- a. 100.000.000 đồng.
- b. 350.000.000 đồng.
- c. 600.000.000 đồng.
- d. Số khác.

Câu 5. Công ty thương mại VP đăng ký nộp thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 4/2012, theo yêu cầu của khách hàng công ty đã xuất 01 hoá đơn GTGT cho lô hàng máy tính đã bán trong tháng 4/2012 nhưng không ghi khoản thuế Giá trị gia tăng đầu ra mà chỉ ghi tổng giá thanh toán là 660.000.000 đồng. Biết rằng mặt hàng này có thuế suất thuế Giá trị gia tăng là 10%.

Số thuế Giá trị gia tăng đầu ra tính trên hoá đơn này là:

- a. 0 đồng.
- a. 60.000.000 đồng
- b. 66.000.000 đồng
- d. Số khác

Câu 6. Công ty du lịch Thiên Sơn (Hà Nội) thực hiện hợp đồng du lịch với công ty du lịch Indonesia theo hình thức trọn gói cho 100 khách trong thời gian 05 ngày tại Việt Nam, tổng số tiền thanh toán 80.000 USD. Công ty Thiên Sơn chi trả toàn bộ vé máy bay, chi phí ăn, ở và thăm quan theo chương trình thỏa thuận trong hợp đồng, trong đó chi phí ăn, ở và thăm quan tại Việt Nam là 35.000 USD; chi phí vé máy bay từ Indonesia sang Việt Nam và ngược lại là 25.000 USD. Tỷ giá 1USD = 20.000 đồng Việt Nam.

Giá tính thuế GTGT của dịch vụ du lịch theo hợp đồng là?

- a. 363,636 triệu đồng

- b. 818,182 triệu đồng
- c. 1 tỷ đồng
- d. 1,1 tỷ đồng

Câu 7. Cơ sở A kinh doanh dịch vụ casino, trong kỳ tính thuế tháng 4/2012 có số liệu sau:

- Số tiền thu được do đổi cho khách hàng trước khi chơi tại quầy đổi tiền là: 50 tỷ đồng.

- Số tiền đổi trả lại cho khách hàng sau khi chơi: 9,3 tỷ đồng.

Giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ casino của cơ sở A là :

- a. 37 tỷ đồng
- b. 45,545 tỷ đồng
- c. Số khác.

Câu 8: Doanh nghiệp A nhận gia công hàng hoá cho doanh nghiệp B, có các số liệu sau:

- Tiền công doanh nghiệp B trả cho doanh nghiệp A là 40 triệu đồng

- Nhiên liệu, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ gia công hàng hoá do doanh nghiệp A mua (đã có thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT 10%): 16,5 triệu đồng.

- Nguyên liệu chính do doanh nghiệp B cung cấp (đã có thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT 10%): 135 triệu đồng

Giá tính thuế Giá trị gia tăng đối với hợp đồng gia công của doanh nghiệp A là:

- e. 40 triệu đồng
- f. 55 triệu đồng
- g. 175 triệu đồng
- h. 191,5 triệu đồng

Câu 9: Cơ sở kinh doanh A kinh doanh xe gắn máy, trong tháng 4/2012 có số liệu sau:

Bán xe cho khách hàng B theo phương thức trả góp 3 tháng, giá bán trả góp chưa có thuế Giá trị gia tăng là 30,3 triệu đồng/xe (trong đó lãi trả góp 3 tháng là 0,3 triệu). Trong tháng 4/2012 cơ sở kinh doanh thu được của khách hàng B 10,1 triệu đồng.

Giá tính thuế Giá trị gia tăng đối với hoạt động bán xe máy nêu trên:

- a. 10,1 triệu đồng
- b. 30 triệu đồng
- c. 30,3 triệu đồng

Câu 10. Doanh nghiệp A nhận uỷ thác xuất khẩu hàng hoá cho một doanh nghiệp khác và đã thực hiện xuất khẩu, trong đó:

- Giá trị lô hàng xuất khẩu (chưa có thuế GTGT): 820 triệu đồng
- Hoa hồng uỷ thác (chưa có thuế GTGT): 5% trên giá trị lô hàng.

Giá tính thuế Giá trị gia tăng đối với hợp đồng nhận uỷ thác xuất khẩu là:

- e. 820 triệu đồng
- f. 41 triệu đồng
- g. Số khác

III. CÂU HỎI VỀ HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG, CUNG ỨNG DỊCH VỤ

1. Câu hỏi 1:

Số thứ tự của hoá đơn gồm bao nhiêu chữ số trong một ký hiệu hóa đơn?

Trả lời:

- a. 6
- b. 7
- c. 8
- d. 9

2. Câu hỏi 2

Loại chứng từ nào sau đây không phải là hoá đơn?

- a) Hoá đơn giá trị gia tăng
- b) Hoá đơn bán hàng
- c) Tem, vé, thẻ
- d) Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

3. Câu hỏi 3

Đối tượng nào không được tạo hoá đơn đặt in?

- a. Công ty cổ phần
- b. Cục thuế
- c. Doanh nghiệp tư nhân
- d. Hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

4. Câu hỏi 4

Đối tượng nào không được mua hoá đơn của cơ quan thuế đặt in.

- a. Công ty TNHH
- b. Đơn vị sự nghiệp
- c. Nhà thầu nước ngoài
- d. Hộ, cá nhân kinh doanh

5. Câu hỏi 5

Đối tượng nào sau đây không được tạo hoá đơn tự in.

- a. Doanh nghiệp ở trong khu phi thuế quan
- b. Đơn vị sự nghiệp
- c. Doanh nghiệp có mức vốn điều lệ từ một (01) tỷ đồng trở lên tính theo số vốn đã thực góp đến thời điểm thông báo phát hành hoá đơn

d. Hộ, cá nhân kinh doanh

6. Câu hỏi 6

Nội dung nào không phải là nội dung bắt buộc trên hoá đơn đã lập

- a. Số thứ tự hoá đơn
- b. Tên liên hoá đơn
- c. Logo
- d. Tên hàng hoá, dịch vụ

7. Câu hỏi 7

Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan sử dụng hoá đơn gì khi bán hàng vào trong nước

- a. Hoá đơn giá trị gia tăng
- b. Hoá đơn bán hàng
- c. Hoá đơn bán hàng (Loại dành cho khu phi thuế quan)
- d. Hoá đơn xuất khẩu

8. Câu hỏi 8

Tiêu thức nào không bắt buộc phải có trên hoá đơn xuất khẩu

- a. Số thứ tự hoá đơn
- b. Ký hiệu hoá đơn
- c. Dấu của đơn vị xuất khẩu
- d. Tên hàng hoá, dịch vụ

9. Câu hỏi 9

Đối tượng nào được cơ quan thuế cấp hoá đơn?

- a. Công ty TNHH
- b. Hộ, cá nhân kinh doanh
- c. DNTN
- d. Hộ, cá nhân không kinh doanh

10. Câu hỏi 10

Trường hợp nào bán hàng hóa, dịch vụ không bắt buộc phải lập hóa đơn?

- a. Có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần, trừ trường hợp người mua yêu cầu lập và giao hóa đơn
- b. Có tổng giá thanh toán trên 300.000 đồng mỗi lần
- c. Có tổng giá thanh toán trên 300.000 đến dưới 400.000 đồng mỗi lần
- d. Có tổng giá thanh toán trên 400.000 đồng mỗi lần

IV. CÂU HỎI VỀ THUẾ TTĐB: BỘ CÂU HỎI 1

Câu 1. Hàng hoá nào sau đây không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

- a. Hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt mua của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu.
- b. Hàng hoá do cơ sở sản xuất uỷ thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu.
- c. Xe ô tô chở người dưới 24 chỗ ngồi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan
- d. Tàu bay dùng cho mục đích cá nhân.

Câu 2. Hàng hoá nào sau đây chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

- a. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá.
- b. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách.
- c. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách, khách du lịch.
- d. Tàu bay dùng cho mục đích cá nhân.

Câu 3. Giá tính thuế TTĐB của hàng hoá gia công chịu thuế TTĐB là?

- a. Giá bán ra của cơ sở giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB.
- b. Giá bán ra của cơ sở giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế TTĐB.
- c. Giá bán ra của cơ sở giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế GTGT .
- d. Giá bán của cơ sở giao gia công chưa có thuế GTGT

Câu 4. Trong kỳ tính thuế tháng 4/2012, Công ty A mua hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất D để xuất khẩu nhưng chỉ xuất khẩu một phần, phần còn lại thì tiêu thụ hết ở trong nước. Công ty A phải khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt kỳ tính thuế tháng 4/2012 cho:

- a. Toàn bộ số hàng hoá đã mua của cơ sở sản xuất D trong kỳ tính thuế tháng 4/2012.
- b. Toàn bộ số hàng hoá đã xuất khẩu mua của cơ sở sản xuất D trong kỳ tính thuế tháng 4/2012 .
- c. Toàn bộ số hàng hoá đã tiêu thụ trong nước mua của cơ sở sản xuất D trong kỳ tính thuế tháng 4/2012.
- d. cả a, b, c đều sai.

Câu 5. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp chịu thuế TTĐB là:

- a. Giá bán chưa có thuế GTGT và thuế TTĐB theo phương thức trả tiền một lần của hàng hoá đó cộng với khoản lãi trả góp.
- b. Giá bán chưa có thuế GTGT và thuế TTĐB theo phương thức trả tiền một lần của hàng hoá đó không bao gồm khoản lãi trả góp.
- c. Tổng số tiền thu được từ việc bán hàng hoá đó.
- d. Tổng số tiền thu được từ việc bán hàng hoá đó chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Câu 6: Thuế TTĐB được thu như thế nào?

- a. Thu một lần ở khâu bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ
- b. Thu một lần ở khâu sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ (nếu có)
- c. Thu vào hàng hóa, dịch vụ ở cả khâu sản xuất và khâu lưu thông.
- d. Không thu ở khâu sản xuất mà thu ở khâu lưu thông tiếp theo.

Câu 7: Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB thì số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ là:

- a. Thuế TTĐB của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ (nếu có chứng từ hợp pháp)
- b. Thuế TTĐB của hàng hoá tiêu thụ trong kỳ.
- c. Thuế TTĐB của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào (nếu có chứng từ hợp pháp)
- d. cả a và c đều đúng.

Câu 8: Cơ sở sản xuất nhiều loại hàng hóa và kinh doanh nhiều dịch vụ chịu thuế TTĐB có các mức thuế suất khác nhau thì cơ sở phải kê khai nộp thuế TTĐB theo mức thuế suất nào?

- a. Thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất kinh doanh.
- b. Thuế suất bình quân của các loại hàng hóa, dịch vụ
- c. Thuế suất thấp nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.
- d. Thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Câu 9: Giá dịch vụ làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB đối với dịch vụ kinh doanh golf là giá nào?

- a. Giá bán (chưa có thuế GTGT và TTĐB) thẻ hội viên, bán vé chơi golf, phí chơi golf bao gồm cả tiền bán vé tập golf, tiền bảo dưỡng sân xỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi golf (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi golf do người chơi golf, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh golf.
- b. Giá bán thẻ hội viên, bán vé chơi golf, vé tập golf đã có thuế TTĐB.
- c. Giá bán bao gồm cả tiền phí chơi golf và phần thuế TTĐB.
- d. Không có câu trả lời nào là đúng.

Câu 10: Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sở hữu hoặc sử dụng thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa là giá nào?

- a. Giá bán ra chưa có thuế GTGT và thuế TTĐB của cơ sở sản xuất.
- b. Giá bán ra chưa có thuế GTGT và thuế TTĐB của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 10% so với giá bán bình quân của cơ sở sở hữu hoặc sử dụng thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa.
- c. Giá bán ra chưa có thuế GTGT và thuế TTĐB của cơ sở sở hữu hoặc sử dụng thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa
- d. Giá bán ra chưa có thuế GTGT của cơ sở cơ sở sở hữu hoặc sử dụng thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa

Câu 11: Loại cơ sở kinh doanh nào sau đây không phải kê khai nộp thuế TTĐB:

- a. Kinh doanh thương mại hàng hóa chịu thuế TTĐB (mua của nhà cung cấp trong nước bán ra) .
- b. Nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB.
- c. Sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB.
- d. Kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB.

Câu 12: Trường hợp nào dưới đây mà người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB được xét giảm thuế TTĐB:

- a. Gặp khó khăn do thiên tai;
- b. Gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ;
- c. Kinh doanh bị thua lỗ;
- d. a và b đều đúng.

Câu 13: Năm 2012, giá bán một két bia chai đã có thuế GTGT là 132.000 đồng/két, giá tính thuế TTĐB (làm tròn đến hàng đơn vị) của một két bia là:

- a. 91.034 đồng
- b. 82.759 đồng
- c. 80.000 đồng
- d. 75.000 đồng

Câu 14: Hàng hóa nào dưới đây thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:

- a. Xe theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe cứu thương.
- b. Điều hòa nhiệt độ có công suất từ 90.000 BTU trở xuống, theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải.
- c. Du thuyền dùng cho mục đích cá nhân.
- d. cả a và b

Câu 15: Đối với hoạt động kinh doanh vũ trường, giá tính thuế TTĐB là :

- a. Doanh thu đối với vé vào cửa vũ trường.

- b. Doanh thu chưa có thuế GTGT và thuế TTĐB của các hoạt động trong vũ trường.
- c. Doanh thu bao chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB của các hoạt động trong vũ trường trừ doanh thu của hoạt động bán bia, rượu, thuốc lá.
- d. Doanh thu bao có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường

Câu 16: Thời điểm xác định thuế TTĐB đối với hàng hóa là:

- a. Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu cho người mua và đã thu được tiền.
- b. Thời điểm chuyển giao quyền sử dụng cho người mua và đã thu được tiền.
- c. a và b.
- d. Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc sử dụng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

IV. CÂU HỎI VỀ THUẾ TTĐB: BỘ CÂU HỎI 2

1/ Câu trắc nghiệm lý thuyết: (15 câu)

Câu 1. Giá tính thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hoá sản xuất trong nước chịu Thuế tiêu thụ đặc biệt là:

- a. Giá bán của cơ sở sản xuất chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), chưa có thuế Tiêu thụ đặc biệt.
- b. Giá bán của cơ sở sản xuất đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), chưa có thuế Giá trị gia tăng.
- c. Giá bán của cơ sở sản xuất đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt, đã có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), đã có thuế Giá trị gia tăng.
- d. Giá bán của cơ sở sản xuất đã có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), chưa có thuế Tiêu thụ đặc biệt.

Câu 2. Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt bằng nguyên liệu đã chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt thì số thuế Tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ là:

- a. Thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hoá tiêu thụ trong kỳ.
- b. Thuế Tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp hoặc đã trả ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ (nếu có chứng từ hợp pháp).
- c. Thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào (nếu có chứng từ hợp pháp).

Câu 3. Trong các loại hàng hoá dưới đây, hàng hoá nào thuộc diện chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt:

- a. Tàu bay, du thuyền dùng để kinh doanh vận chuyển hàng hóa.
- b. Hàng hóa chuyên khẩu theo quy định của Chính phủ.
- c. Điều hoà nhiệt độ có công suất trên 90.000 BTU.
- d. Xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125cm³.

Câu 4. Trường hợp nào dưới đây người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt không được xét giảm thuế Tiêu thụ đặc biệt:

- a. Gặp khó khăn do thiên tai.
- b. Gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ.
- c. Kinh doanh bị thua lỗ.
- d. Gặp khó khăn do thiên tai hoặc tai nạn bất ngờ.

Câu 5. Theo quy định của Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12, thuế suất thuế TTĐB áp dụng đối với mặt hàng rượu từ 20 độ trở lên kể từ ngày 01/01/2013 là:

- a. 65%
- b. 50%
- c. 45%
- d. 25%

Câu 6. Căn cứ tính thuế Tiêu thụ đặc biệt là gì?

- a. Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt.
- b. Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt.
- c. Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt và thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa, dịch vụ đó.

Câu 7. Giá tính thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu thuộc diện chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt là:

- a. Giá tính thuế nhập khẩu.
- b. Giá tính thuế Nhập khẩu + Thuế Nhập khẩu + Thuế Bảo vệ môi trường (nếu có)
- c. Giá tính thuế Nhập khẩu + Thuế Nhập khẩu + Thuế GTGT.

Câu 8. Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì từng bộ phận đó (cục nóng hoặc cục lạnh) có phải là đối tượng chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt không?

- a. Không.
- b. Có.
- c. Chỉ trong một số trường hợp đặc biệt mới là đối tượng chịu thuế.

Câu 9. Đối với kinh doanh vũ trường, giá tính thuế Tiêu thụ đặc biệt là:

- a. Doanh thu chưa có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường, bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống.
- b. Doanh thu chưa có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường, không bao gồm doanh thu của dịch vụ ăn uống.
- c. Doanh thu đã có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường, bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống.
- d. Doanh thu đã có thuế GTGT của các hoạt động trong vũ trường, không bao gồm doanh thu của dịch vụ ăn uống.

Câu 10. Giá tính thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hoá gia công là:

- a. Giá bán hàng hóa của cơ sở giao gia công bán ra hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán bao gồm cả thuế Giá trị gia tăng, thuế Bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế Tiêu thụ đặc biệt.
- b. Giá bán ra của cơ sở gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế Tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), đã có thuế Giá trị gia tăng.
- c. Giá bán ra của cơ sở gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt.
- d. Giá bán hàng hóa của cơ sở giao gia công bán ra hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có) và chưa có thuế Tiêu thụ đặc biệt.

Câu 11. Giá tính thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp chịu Thuế tiêu thụ đặc biệt là:

a. Giá bán chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), chưa có thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

b. Giá bán chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), chưa có thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa theo phương thức trả tiền một lần, bao gồm cả khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

c. Giá bán chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có thuế Bảo vệ môi trường (nếu có), đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

d. Giá bán bao gồm cả thuế Giá trị gia tăng, thuế Bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa theo phương thức trả tiền một lần, bao gồm cả khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

Câu 12. Người nộp thuế Tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp nào dưới đây:

- a. Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu.
- b. Hàng hoá là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.
- c. Hàng hoá là nguyên liệu để gia công hàng xuất khẩu.
- d. Cả 3 trường hợp a, b, c.

Câu 13. Hàng hoá nào sau đây không chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt:

- a. Chế phẩm từ cây thuốc lá dùng để nhai
- b. Bài lá
- c. Rượu
- d. Tàu bay dùng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách.

Câu 14. Hàng hoá nào sau đây không chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt:

- a. Hàng hoá chịu thuế Tiêu thụ đặc biệt mua của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu.
- b. Hàng hoá do cơ sở sản xuất uỷ thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu.
- c. Tàu bay, du thuyền dùng cho mục đích cá nhân.
- d. Xe mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm³.

Câu 15. Thời điểm xác định thuế Tiêu thụ đặc biệt là:

- a. Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền;
- b. Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- c. Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.
- d. Cả 3 phương án a, b, c.

2/ Câu trắc nghiệm bài tập: (05 câu)

Câu 1. Tháng 1/2012, Công ty sản xuất bia A bán 10.000 chai bia, giá bán đã có thuế GTGT của một chai bia là 9.900 đồng (thuế suất thuế GTGT 10%, giá bán đã bao gồm giá trị vỏ chai là 500 đồng/ vỏ chai), thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của mặt hàng bia là 45%. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong tháng 1/2012 là:

- a. 26.379.310 đồng.
- b. 27.931.500 đồng.
- c. 30.724.138 đồng.

Câu 2. Trong kỳ tính thuế tháng 3/2012, công ty B nhập khẩu 200 chiếc điều hoà nhiệt độ công suất 20.000BTU, giá nhập khẩu 286 USD/chiếc. Thuế suất thuế nhập khẩu điều hoà là 27%. Tỷ giá dùng để xác định giá trị hàng nhập khẩu là 20.000 đồng/ USD.

Trong tháng, công ty bán được 120 chiếc với giá bán chưa có thuế GTGT là 20 triệu đồng/chiếc.

Thuế suất thuế TTĐB của mặt hàng điều hoà có công suất từ 90.000 BTU trở xuống là 10%.

Số thuế TTĐB công ty B phải nộp trong tháng:

- a. 108.966.000 đồng.
- b. 145.288.000 đồng.
- c. 300.000.000 đồng.
- d. 400.000.000 đồng.

Câu 3. Doanh thu đã có thuế GTGT kinh doanh vũ trường của cơ sở kinh doanh A trong kỳ tính thuế là 154 triệu đồng, trong đó doanh thu từ nước giải khát là 30,8 triệu đồng. Biết rằng đối với hoạt động kinh doanh vũ trường, thuế suất thuế GTGT là 10%, thuế suất thuế TTĐB là 40%. Giá tính thuế TTĐB đối với hoạt động kinh doanh vũ trường là:

- a. 80 triệu đồng
- b. 100 triệu đồng
- c. 110 triệu đồng

Câu 4: Cơ sở A kinh doanh sân gôn, trong kỳ tính thuế tháng 3/2012 có số liệu như sau:

Doanh thu bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn (chưa có thuế GTGT): 14 tỷ đồng. Trong đó:

- Tiền bán vé chơi gôn: 3 tỷ đồng (bao gồm cả tiền phí bảo dưỡng sân cỏ 0,7 tỷ đồng).

- Tiền ký quỹ: 3 tỷ đồng.

- Doanh thu chưa có thuế GTGT từ kinh doanh đồ uống, dụng cụ thể thao (không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt): 2 tỷ đồng.

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ kinh doanh sân gôn là 20%.

Tính số thuế tiêu thụ đặc biệt cơ sở A phải nộp trong kỳ tính thuế tháng 3/2012?

a. 1 tỷ đồng

b. 1,5 tỷ đồng

c. 2 tỷ đồng

d. 2,33 tỷ đồng

Câu 5. Cho dữ liệu về doanh nghiệp X như sau:

+ Tháng 1/2012: Nhập khẩu 10.000 lít rượu nước, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 250 triệu đồng (căn cứ chứng từ nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).

Xuất kho 8.000 lít để sản xuất 12.000 chai rượu.

+ Tháng 2/2012: Xuất bán 9.000 chai rượu, số thuế TTĐB phải nộp của 9.000 chai rượu xuất bán là 350 triệu đồng.

Thuế TTĐB doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế tháng 2/2012 là:

a. 100 triệu đồng.

b. 150 triệu đồng.

c. 162,5 triệu đồng.

d. 200 triệu đồng.